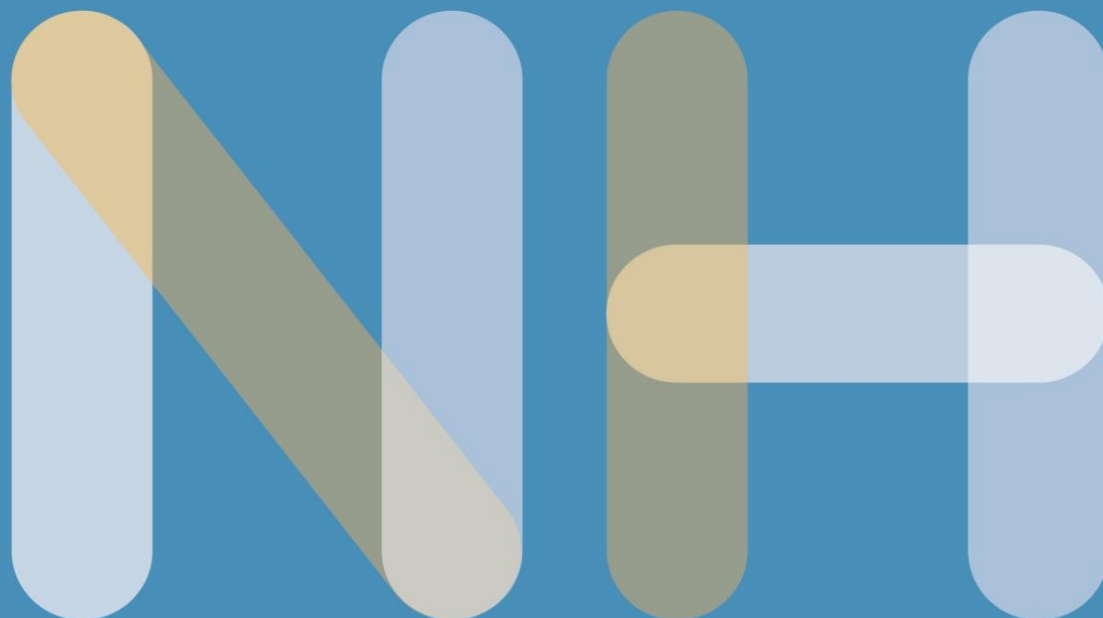


BẢN TIN HÀNG NGÀY

01 tháng 6 năm 2026



VIC khiến Vn-Index giảm 18.95 điểm

- Vn-Index giảm điểm trong suốt cả ngày giao dịch và đóng cửa thấp nhất ngày, giảm 18.95 điểm
- Nhóm VIC đều giảm khá sâu, đóng góp tới 14.8 điểm vào chiều giảm
- Nhóm dầu khí cũng giảm sâu, có lẽ do giá dầu thế giới giảm
- Vài mã khác giảm mạnh là MSB STB
- Tuy nhiên, số lượng mã tăng điểm lại lớn hơn số lượng mã giảm điểm
- Nhóm tăng điểm là chứng khoán, bất động sản, khu công nghiệp
- Giá trị giao dịch khớp lệnh trên sàn HOSE giảm 31% so với ngày trước đó.

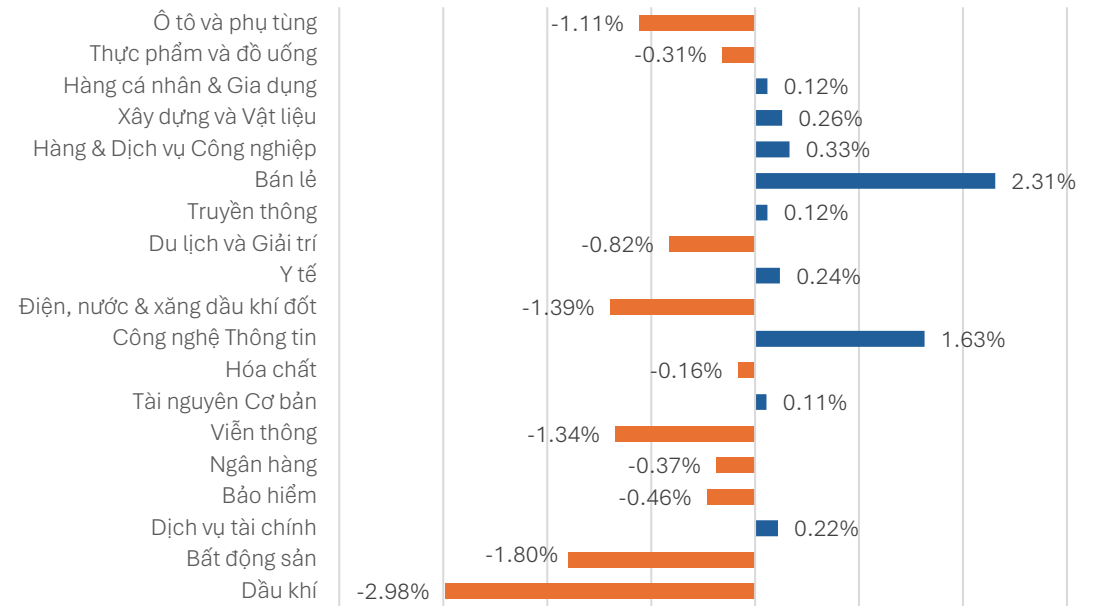


	HOSE	HNX	UPCOM
Đóng cửa	1,844.5	305.2	125.8
(+/-)	-18.95	10.24	0.56
(%)	-1.02%	3.47%	0.45%
Khối lượng giao dịch (Triệu cp)	507	53	21
Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	15,048	965	370
Giao dịch khối ngoại (Tỷ VND)	(622)	22	4
Số mã tăng	165	60	117
Số mã giảm	133	65	88
Số mã giá không đổi	66	66	87

1.

Nhận định thị trường

- Hôm nay, dù Vn-Index giảm tới 18.95 điểm nhưng chủ yếu do tác động của nhóm VIN, dầu khí, và vài mã lớn như MSB STB
- Số lượng mã tăng điểm lớn hơn và đều tăng ở nhóm ngành thu hút được dòng tiền từ nhà đầu tư cá nhân như chứng khoán và bất động sản, cho thấy thị trường vẫn tương đối tích cực
- Thanh khoản hiện đã về vùng thấp nhất 2 năm, nhà đầu tư gần như không muốn bán ra ở vùng giá hiện tại
- Hiện vẫn là cơ hội để mua vào
- Nhóm kỳ vọng mua vào hiện vẫn là VIN, chứng khoán và bất động sản



STT	Nhóm ngành	PE	PB
1	Dầu khí	13.12	1.85
2	Nguyên vật liệu	13.23	1.57
3	Công nghiệp	12.96	1.78
4	Hàng Tiêu dùng	13.71	2.29
5	Dược phẩm và Y tế	15.66	1.53
6	Dịch vụ Tiêu dùng	19.19	3.52
7	Viễn thông	23.20	5.99
8	Tiện ích Cộng đồng	12.71	1.78
9	Tài chính	21.12	2.93
10	Ngân hàng	9.32	1.51
11	Công nghệ Thông tin	13.08	2.58

2.

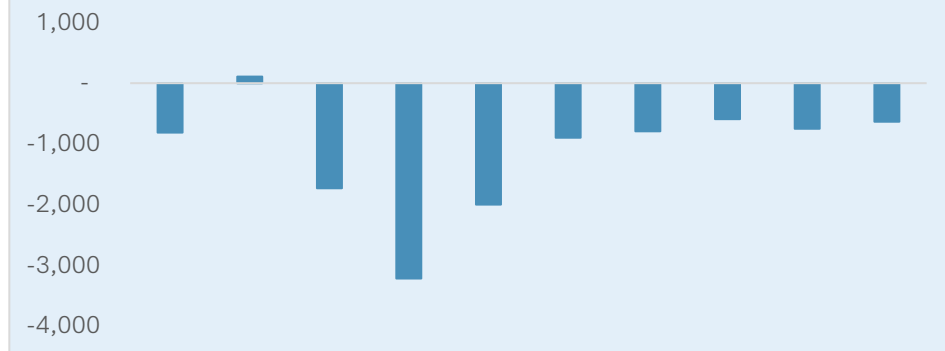
Hiệu suất cổ phiếu theo ngành

Ngân hàng		Bất động sản		Chứng khoán		Thực phẩm		Xây dựng		Nguyên liệu CB		Tiện ích		Hóa chất	
NAB	2.14%	SZC	3.75%	VND	4.15%	VCF	6.91%	CII	2.34%	HPG	0.21%	TDM	5.22%	DPR	0.96%
SSB	1.43%	TCH	2.99%	EVF	2.24%	KDC	2.40%	VGC	1.18%	HSG	0.00%	PGV	2.39%	PHR	0.74%
EIB	0.47%	QCG	1.57%	VIX	1.13%	DBC	1.40%	HHV	0.86%	NKG	0.00%	BWE	1.66%	GVR	0.43%
MBB	0.40%	NLG	1.33%	FTS	0.63%	HAG	0.98%	VCG	0.75%	ACG	-0.44%	SHP	1.47%	CSV	0.40%
VCB	0.32%	DIG	1.15%	BSI	0.14%	SAB	0.53%	CTD	0.56%	PTB	-0.75%	POW	0.73%	AAA	0.14%
VIB	0.00%	DXG	1.15%	DSC	0.00%	FMC	0.43%	HTI	0.21%	DHC	-0.95%	GEG	0.36%	DPM	-0.97%
ACB	0.00%	NVL	0.99%	TVS	-0.38%	MCM	0.18%	BMP	0.00%			CHP	0.18%	VFG	-1.27%
BID	-0.24%	VPI	0.96%	HCM	-1.09%	ASM	0.17%	CTR	-0.57%			TMP	0.00%	DCM	-1.88%
SHB	-0.36%	DXS	0.93%			MSN	0.00%	PC1	-1.81%			VSH	0.00%	DGC	-3.55%
LPB	-0.38%	HDC	0.57%			BAF	0.00%					PGD	0.00%		
OCB	-0.43%	IJC	0.52%			VNM	-0.17%					NT2	-0.22%		
VPB	-0.55%	CRE	0.51%			BHN	-0.17%					PPC	-0.31%		
HDB	-0.58%	KDH	0.44%			SBT	-0.25%					REE	-2.85%		
CTG	-0.72%	PDR	0.31%			ANV	-0.46%					GAS	-3.66%		
TCB	-1.22%	KOS	0.26%			PAN	-0.61%								
TPB	-1.26%	HDG	0.00%			VHC	-0.68%								
STB	-1.47%	SIP	-0.19%												
MSB	-6.86%	KBC	-0.33%												
		BCM	-0.73%												
		SJS	-1.54%												
		VHM	-2.56%												
		VIC	-3.03%												
		VRE	-3.26%												

3.

Giao dịch khối ngoại

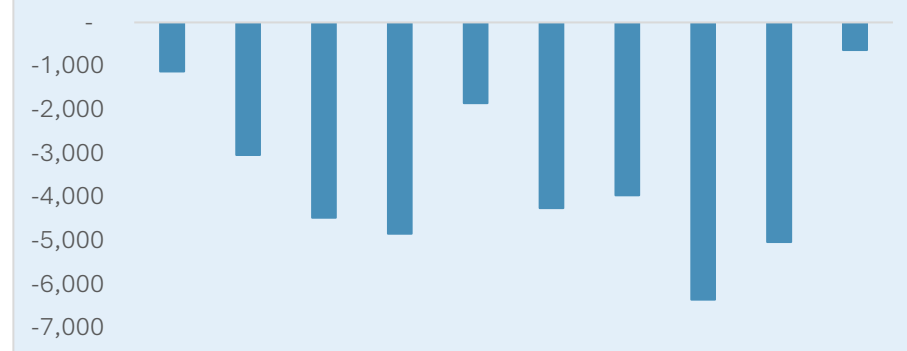
Giao dịch khối ngoại - 10 ngày



Top mua ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị ròng
1	MWG	HOSE	129.63	41.09	88.54
2	FPT	HOSE	132.88	64.37	68.52
3	VCB	HOSE	55.42	9.47	45.95
4	CEO	HNX	29.96	0.80	29.16
5	VND	HOSE	24.77	7.09	17.69
6	VNM	HOSE	69.78	52.48	17.30
7	MBB	HOSE	30.05	14.98	15.07
8	POW	HOSE	19.62	6.21	13.41
9	CII	HOSE	9.66	0.30	9.36
10	DIG	HOSE	6.50	0.01	6.49
11	VPI	HOSE	8.26	2.81	5.45
12	PNJ	HOSE	6.64	1.30	5.33
13	VFS	HNX	5.69	0.61	5.08
14	TCH	HOSE	5.18	0.30	4.88
15	BIC	HOSE	4.69	0.00	4.69

Giao dịch khối ngoại - 10 tuần



Top bán ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị ròng
1	ACB	HOSE	43.06	152.06	-109.00
2	BSR	HOSE	2.38	90.73	-88.35
3	MSB	HOSE	14.76	102.59	-87.83
4	VIC	HOSE	58.55	134.73	-76.18
5	CTG	HOSE	3.90	49.92	-46.02
6	VHM	HOSE	79.83	125.77	-45.93
7	VPB	HOSE	3.46	42.15	-38.69
8	VIX	HOSE	8.35	42.82	-34.47
9	VCI	HOSE	1.60	30.12	-28.52
10	STB	HOSE	11.45	38.57	-27.12
11	GAS	HOSE	1.92	25.30	-23.38
12	E1VFN30	HOSE	1.12	24.01	-22.89
13	VRE	HOSE	4.94	27.23	-22.29
14	DCM	HOSE	12.58	34.45	-21.87
15	TCB	HOSE	4.49	23.96	-19.47

4.

Cập nhật vĩ mô

	Gần nhất	1D	1W	YTD
Giá dầu Brent (USD/thùng)	92.05	-1.77%	-8.14%	51.27%
Giá dầu WTI (USD/thùng)	87.36	-1.73%	-9.57%	52.14%
Giá vàng thế giới (USD/ounce)	4,539.27	0.99%	0.66%	4.94%
Tỷ giá trung tâm (USD/VND)	25,138	0.00%	0.01%	0.07%
Tỷ giá bán Vietcombank (USD/VND)	26,394	0.00%	0.01%	0.06%
Tỷ giá bán TT tự do (USD/VND)	26,450	0.00%	0.11%	-1.38%
Lãi suất qua đêm – Liên ngân hàng	7.00%	0.04%	0.43%	5.23%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 1 năm	3.54%	0.01%	0.02%	0.47%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 3 năm	3.66%	0.00%	0.01%	0.48%

Trong tuần cuối tháng 5 (25-29/05), Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đảo chiều bơm ròng trên thị trường mở hơn 30,700 tỷ đồng sau 2 tuần liên tiếp hút ròng.

Mặc dù NHNN đã chuyển sang bơm ròng quy mô lớn, mặt bằng lãi suất liên ngân hàng vẫn duy trì ở mức cao. Lãi suất liên ngân hàng qua đêm bình quân có thời điểm tăng lên 7,8%/năm (ngày 27/5) sau đó giảm về dưới ngưỡng 7%/năm.

Theo S&P Global, Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam của S&P Global tăng lên 52,8 trong tháng 5, tăng từ mức 50,5 của tháng 4

Đây là mức chỉ số PMI cao nhất kể từ tháng 2/2026. Số lượng đơn đặt hàng mới tăng trở lại trong tháng 5 đã giúp ngành sản xuất của Việt Nam tăng trưởng vào giữa Quý II/2026, một phần nhờ việc tăng dự trữ hàng tồn kho của khách hàng do cuộc chiến tranh Trung Đông khiến giá cả tăng mạnh và chuỗi cung ứng bị chậm trễ.

5.

Bản tin doanh nghiệp



REE: REE nhận bảo lãnh khoản vay 1.5 ngàn tỷ cho dự án điện gió tại Vĩnh Long

REE thông báo chấp thuận phương án dự án Nhà máy Điện Gió V1-3 giai đoạn 2 tại tỉnh Vĩnh Long (DHWP2) được cấp tín dụng tại các ngân hàng với tổng số tiền vay là 1.52 ngàn tỷ đồng, bằng tối đa 70% tổng vốn đầu tư dự án. Kỳ hạn khoản vay là 12 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, được đảm bảo bằng nhiều tài sản. Ngoài ra, Nghị quyết cũng thông qua việc chấp thuận cho REE Energy (công ty con 100% vốn của REE) bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho toàn bộ nghĩa vụ phát sinh liên quan đến khoản vay trên.



AGG: An Gia muốn thu tóm toàn bộ pháp nhân phát triển dự án The Gió Riverside

CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia (HOSE: AGG) thông qua điều chỉnh phương án nhận chuyển nhượng cổ phần tại CTCP Quản lý và Phát triển Lộc Phát. Theo đó, số lượng cổ phần dự kiến nhận chuyển nhượng từ các cổ đông cá nhân tăng từ 5.4 triệu cp lên hơn 10.8 triệu cp, nâng tỷ lệ sở hữu tại Lộc Phát lên 99.99%. Sau khi hoàn tất giao dịch dự kiến trong quý 2/2026, Lộc Phát sẽ trở thành công ty con của An Gia.

Bên cạnh đó, AGG tăng vốn điều lệ tại Lộc Phát từ 180.08 tỷ đồng lên gần 1,135 tỷ đồng, tương ứng tăng hơn 954.7 tỷ đồng



TCX: TCBS lập công ty con 800 tỷ đồng, chuyển nhượng loạt tài sản liên quan đến dự án TCEX

Ngày 29/5/2026, CTCP Chứng khoán Kỹ Thương (TCX) công bố nghị quyết của HĐQT liên quan đến việc thành lập công ty con tại Trung tâm Tài chính quốc tế Việt Nam (VIFC). Công ty con dự kiến có vốn điều lệ 800 tỷ đồng, hoạt động trong các lĩnh vực môi giới chứng khoán, tự doanh, tư vấn đầu tư, bảo lãnh phát hành và kinh doanh chứng khoán phái sinh.

Ngoài ra, TCBS cũng phê duyệt việc chuyển nhượng tài sản liên quan đến dự án phát triển sàn giao dịch tài sản mã hóa cho CTCP Sàn giao dịch Tài sản mã hóa Techcom, dự kiến được triển khai trong Q2-3/2026

6.

Lịch sự kiện

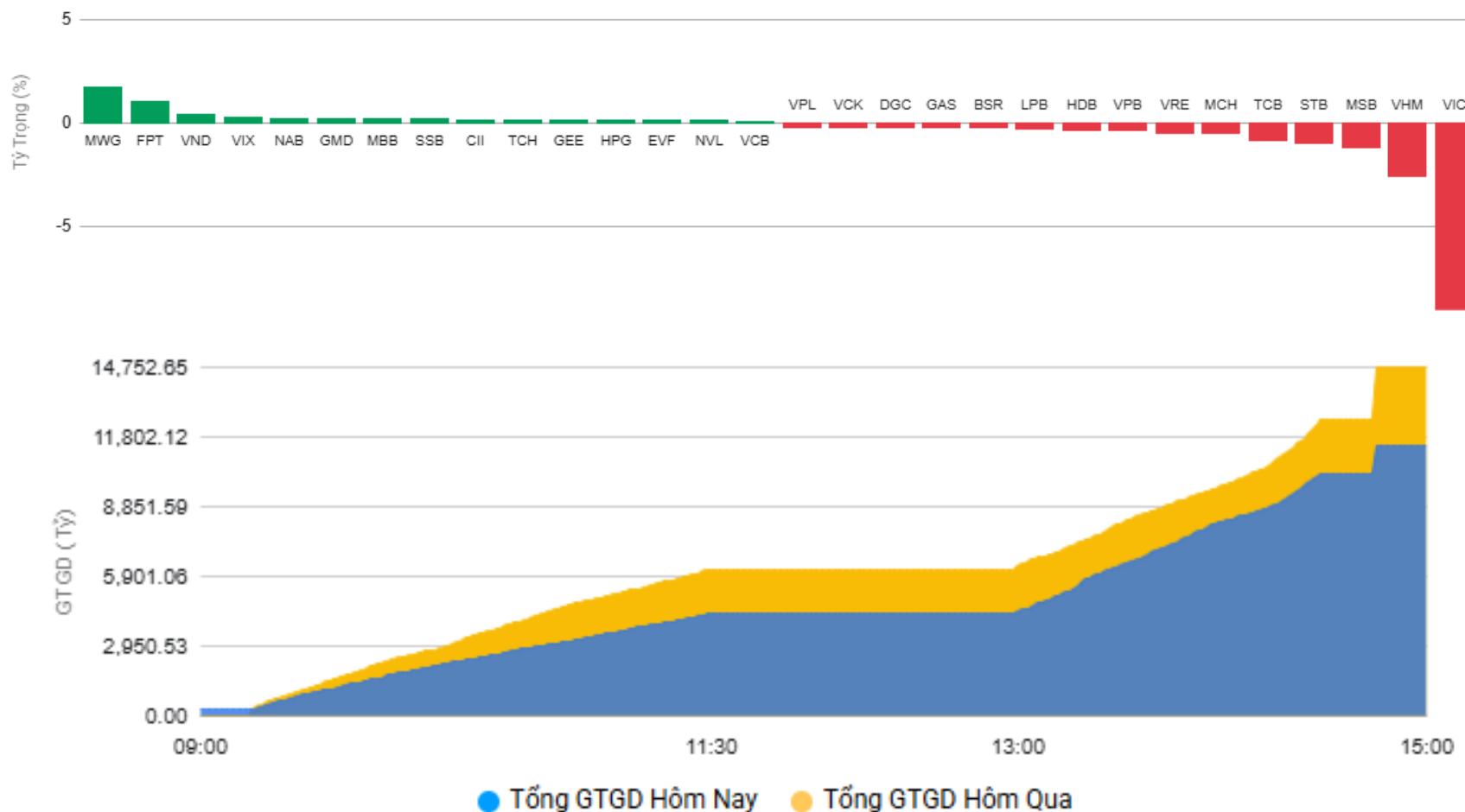
Mã	Ngày GDKHQ	Ngày thực hiện	Sự kiện	Tỷ lệ thực hiện	Giá trị
AST	02/06/2026	12/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10%	1,000
SAV	02/06/2026	22/07/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10%	1,000
L40	02/06/2026		Phát hành cổ phiếu	120%	
TBW	02/06/2026	22/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	12.1%	1,210
TNW	02/06/2026	10/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	9.7%	970
DRC	03/06/2026	26/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5%	500
DTP	03/06/2026		Phát hành cổ phiếu	25%	
HTI	03/06/2026	16/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	20%	2,000
BHK	04/06/2026	25/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	9%	900
CPC	04/06/2026	24/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15%	1,500
CAT	04/06/2026	24/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5%	500
DVP	04/06/2026	29/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	50%	5,000
NHF	04/06/2026	16/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15%	1,500
MGC	04/06/2026	26/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	3%	300
TAW	04/06/2026	26/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15.15%	1,515
TDB	04/06/2026	19/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	25%	2,500
THG	04/06/2026	10/07/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10%	1,000
TMG	04/06/2026	16/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	35%	3,500

7.

Số liệu thị trường

NHÓM ẢNH HƯỞNG MẠNH TỚI CHỈ SỐ

BIỂU ĐỒ PHÂN TÁN



8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (01/06/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
VPB	20/5/2024	09/04/2026	32,381	26,950	20.2%	Link	Link
TPB	1/7/2024	23/03/2026	23,493	15,700	49.6%	Link	Link
TCB	12/8/2024	25/03/2026	36,300	32,350	12.2%	Link	Link
MBB	29/8/2024	27/3/2026	30,380	25,100	21.0%	Link	Link
ACB	23/9/2024	20/03/2026	28,750	24,900	15.5%	Link	Link
HDB	15/10/2024	1/4/2026	32,191	25,750	25.0%	Link	Link
CTG	28/11/2024	27/03/2026	40,200	34,550	16.4%	Link	Link
VCB	24/2/2025	11/3/2026	72,000	62,200	15.8%	Link	Link
BID	20/3/2025	17/3/2026	47,720	41,900	13.9%	Link	Link
STB	14/5/2025	31/03/2026	58,700	67,000	-12.4%	Link	Link
HPG	13/01/2025	9/2/2026	30,636	24,050	27.4%	Link	Link
HSG	14/02/2025	4/3/2026	12,420	12,450	-0.2%	Link	Link
NKG	7/3/2025	12/2/2026	15,950	13,650	16.8%	Link	Link
VSC	18/06/2025	6/3/2026	27,450	19,850	38.3%	Link	Link
HAH	31/3/2025	5/3/2026	67,400	53,900	25.0%	Link	Link
PVT	17/7/2025	10/3/2026	29,750	22,100	34.6%	Link	Link

8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (01/06/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
NLG	30/9/2024	13/11/2025	45,000	26,750	68.2%	Link	Link
KDH	23/10/2024	20/11/2025	42,000	22,650	85.4%	Link	Link
DXG	15/11/2024	4/12/2025	18,246	13,200	38.2%	Link	Link
DXS	15/1/2025	4/12/2025	12,000	7,630	57.3%	Link	Link
KBC	22/1/2025	27/11/2025	40,500	30,400	33.2%	Link	Link
BCM	4/8/2024	15/12/2025	83,000	54,700	51.7%	Link	Link
VRE	21/3/2025	7/11/2025	30,000	31,200	-3.8%	Link	Link
VHM	29/4/2025	5/11/2025	87,200	152,000	-42.6%	Link	Link
HDC	5/6/2025	30/01/2026	24,200	17,600	37.5%	Link	Link
PDR	30/6/2025	19/03/2026	18,600	16,100	15.5%	Link	Link
FRT	5/2/2026	05/02/2026	170,000	127,100	33.8%	Link	Link
MWG	13/2/2026	13/2/2026	107,500	79,100	35.9%	Link	Link
PVD	3/03/2026	3/3/2026	40,500	30,000	35.0%	Link	Link
DGW	23/04/2026	23/04/2026	49,000	40,000	22.5%	Link	Link

Trụ sở chính

Tầng 9, tòa tháp Đông, Lotte Center Hà Nội, số 54 Liễu Giai, phường Giảng Võ, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Chi nhánh Hà Nội

Tầng trệt tòa Somerset Grand Hanoi & Phòng 505, tầng 5 Tòa Tháp Hà Nội, số 49 Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, tòa nhà President Place, Số 93 Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP HCM

Hotline: 0283.838.5917

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH

Báo cáo này thuộc sở hữu của NHSV. Mọi hành vi sao chép, in ấn khi không có sự cho phép của NHSV đều bị nghiêm cấm. Báo cáo này không nên được coi là một lời đề nghị giao dịch mua bán bất kỳ cổ phiếu nào. Mặc dù những thông tin, dự báo và nhận định trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy, NHSV không thể khẳng định sự chính xác và hoàn thiện của các nguồn thông tin này. NHSV sẽ không chịu trách nhiệm trước bất kỳ thiệt hại, mất mát nào đến từ việc sử dụng bất kỳ thông tin, nhận định nào đến từ báo cáo này.

